

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 05 - 8-2025

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Lan
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Dinh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2025/TLST - DS ngày 15 tháng 01 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST- DS ngày 05/7/2025 và thông báo chuyển thời gian xét xử vụ án số 02/TB-TA ngày 22/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (D) - Nay là Ngân hàng TNHH một thành viên Đ; Địa chỉ trụ sở chính: 72 L, phường C; TP Hà Nội; Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim T- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - PGD T và bà Bùi Thị H- Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1; Địa chỉ T1: TDP số 6, xã T, tỉnh Hưng Yên.

(Bà T và bà H có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Quang P, sinh năm 1949 và bà Đinh Thị H1, sinh năm 1954; Điều cư trú tại: thôn V, xã B, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Quang P là ông Phạm Văn A, sinh năm 1960; CCCD 034060007975; Địa chỉ: thôn V, xã B, tỉnh Hưng Yên (Văn bản uỷ quyền lập ngày 06/6/2025);

(Bà H1 và ông A có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các bản trình bày gửi Toà án và ý kiến tại

phiên toà sơ thẩm, đại diện nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ông Phạm Quang P cùng vợ là bà Đinh Thị H1 có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh T1 - T1, (nay Ngân hàng N1 đã ban hành Quyết định số 42/QĐ-TTGSNH2 ngày 14/02/2025 của Ngân hàng N1 đã quyết định đổi tên Ngân hàng TNHH một thành viên Đ) nên Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh T1 đổi tên là Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 (gọi tắt là Ngân hàng). Tổng số tiền vay là: 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số K.0123/123 đã được ký kết ngày 08/05/2023, chi tiết như sau: Số tiền vay: 500.000.000 đồng ; Lãi suất vay: 03 tháng đầu 12%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi thay đổi theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm; Thời hạn vay: 12 tháng (Từ ngày 08/05/2023 đến ngày 08/05/2024) Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh cơm gà và dịch vụ ăn uống.

Ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ số 06 có địa chỉ tại thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là thôn V, xã B, tỉnh Hưng Yên) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 815894, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01233 do UBND huyện T cấp ngày 18/05/2016, chủ sở hữu là Ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 theo Hợp đồng thế chấp số K.0123/TC23 đã được ký kết ngày 08/05/2023 Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định; Căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã ký kết cùng bảng kê rút vốn kèm giấy nhận nợ ngày 08/05/2023, Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 đã giải ngân cho Ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 08/05/2023, qua số tài khoản mà ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 chỉ định. Căn cứ vào Hợp đồng vay vốn đã ký Ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 trả lãi theo quy định vào ngày 08 hàng tháng và gốc trả cuối kỳ. Trong quá trình vay vốn ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 trả lãi hàng tháng cho đến ngày 08/05/2024 là ngày đến hạn hợp đồng vay vốn nhưng Ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 đã không đến thanh toán cho Ngân hàng nên theo quy định tại Điểm b, điều khoản 9 trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số K.0123/123 ký ngày 08/05/2023 giữa Ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 và Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 thì lãi suất nợ gốc tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 để nhắc nợ nhưng không nhận được phản hồi nào về kế hoạch thanh toán nợ tiền vay nên đến ngày 20/05/2024 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ Nhóm 2; đến ngày 27/11/2024, ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 có trả cho Ngân hàng 5.000.000 đồng vào số tiền gốc vay nên số dư nợ tính đến ngày 27/11/2024 là 495.000.000 đồng sau đó ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 không tiếp tục trả nợ, vì vậy tính đến ngày 05/8/2025 Ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 còn nợ Ngân hàng TNHH một thành viên số Vikki các khoản như sau: nợ gốc: 495.000.000

VND; Lãi trong hạn: 0 VND; Lãi quá hạn: 97.874.373 VND; Tổng số nợ cả gốc và lãi là 592.874.373 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 trả toàn bộ nợ gốc và tiền lãi phát sinh sau ngày 05/8/2025. Nếu ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 không thực hiện theo yêu cầu trả nợ đã nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ số 06 có địa chỉ tại thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận số BV 815894, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01233 do UBND huyện T cấp ngày 18/05/2016 mang tên Ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 thì Ông Phạm Quang P - bà Đinh Thị H1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong toàn bộ nợ. Ngân hàng không chấp nhận đề nghị phân các kỳ trả nợ theo tháng, khoanh lãi để lãi không tiếp tục phát sinh như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông P và bà H1 trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay.

Quá trình hòa giải vụ án, ý kiến tại các đơn và ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm, Ông Phạm Văn A (đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang P) - bà Đinh Thị H1 thống nhất trình bày:

Ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 có vay tiền của Ngân hàng Đ - Chi nhánh T1, nay là Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 theo Hợp đồng tín dụng số K.0123/123 đã được ký kết ngày 08/05/2023, số tiền vay là 500.000.000 đồng, với mức lãi và thời gian vay như Ngân hàng trình bày; mục đích để ông bà đầu tư cho con trai kinh doanh quán hàng ăn. Số tiền này ông, bà không nhận trực tiếp mà Ngân hàng đã chuyển theo số tài khoản ông, bà chỉ định, do điều kiện tuổi cao lại tin tưởng vào việc Ngân hàng tạo điều kiện đảo nợ khi hết thời hạn vay là 1 năm để tiếp tục vay lại, có nguồn vốn làm ăn phát triển kinh tế trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên khi hết thời gian vay là 1 năm thì Ngân hàng không tạo điều kiện làm thủ tục cho vay lại mà lại yêu cầu trả nợ toàn bộ. Với điều kiện làm ăn thua lỗ; thời hạn vay quá ngắn không đủ điều kiện đầu tư sinh lợi, nên ông, bà không có điều kiện để trả nợ toàn bộ cho Ngân hàng, ông, bà đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần và khoanh miễn giảm lãi, mỗi tháng ông, bà cam kết trả nợ Ngân hàng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng trả vào tiền gốc, sau khi trả hết tiền gốc thì ông bà sẽ trả lãi cho Ngân hàng cho đến khi xong toàn bộ khoản nợ; Về tài sản thế chấp khi vay tiền theo hợp đồng tín dụng, ông bà có thế chấp 01 bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 06 có địa chỉ tại thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận số BV 815894, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01233 do UBND huyện T cấp ngày 18/05/2016 mang tên Ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 nay tuy có vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhưng đây là chỗ ở duy nhất nên ông bà đề nghị được trả nợ dần cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng để không phải xử lý tài sản thế chấp như yêu cầu của Ngân hàng.

Do không hòa giải được vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án, Đại diện viện kiểm sát căn cứ Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 99, Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hàng TNHH một thành viên số Đ - Chi nhánh T1 - PGD T, buộc ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 phải trả cho hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 toàn bộ nợ theo Hợp đồng tín dụng số K.0123/123 đã được ký kết ngày 08/05/2023, tính đến ngày 05/8/2025 gồm: Nợ gốc 495.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 0 đồng; Lãi quá hạn: 97.874.373 đồng; Tổng số nợ cả gốc và lãi là 592.874.373 đồng. Buộc ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - PGD Thái Thụy số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 06/8/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng TNHH MTV S - Chi nhánh T1 - T1 trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 không trả được nợ thì N TNHH một thành viên Số V - Chi nhánh T1 - T1 có quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ số 06 có địa chỉ tại Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên) theo Giấy chứng nhận số BV 815894, số vào sổ cấp GCN: CH 01233 do UBND huyện T cấp ngày 18/05/2016 mang tên Ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 để thu hồi nợ. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên miễn nghĩa vụ chịu án phí cho ông P, bà H1 do ông, bà đều là người cao tuổi; buộc ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 phải chịu lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ Trả lại cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - PGD Thái Thụy tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 và ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 là tự nguyện, các bên tham gia ký hợp đồng đều có năng lực pháp luật dân sự, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 và thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng; hình thức của Hợp đồng phù hợp với Điều 119 của Bộ luật dân sự; Ông P và bà H1 có ý kiến do tin tưởng được đáo nợ nên mới ký kết Hợp đồng vay không cung cấp được chứng cứ về việc có sự thỏa thuận này giữa hai bên; như vậy các điều khoản của Hợp đồng tín dụng phù hợp với các quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền và nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng

[2.2] Về việc thực hiện hợp đồng tín dụng: Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - G đã giải ngân cho ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 đủ số tiền 500.000.000 theo đúng số tài khoản do chính ông P và bà H1 chỉ định. Quá trình thực hiện hợp đồng ông P và bà H1 chấp nhận Hợp đồng, không có ý kiến gì và đã thực hiện trả lãi cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 đến ngày 08/05/2024. Tuy nhiên từ ngày 08/5/2024 là ngày hết hạn hợp đồng thì ông P và bà H1 không trả nợ gốc, không trả nợ lãi cho Ngân hàng; Ngân hàng đôn đốc trả nợ thì đến ngày 27/11/2024 ông P và bà H1 tiếp tục trả cho ngân hàng 5.000.000 đồng, được trừ vào tiền gốc. Như vậy theo các quy định của Hợp đồng tín dụng thì ông P và bà H1 đã vi phạm quy định về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng khi Hợp đồng đến hạn. Việc ông P và bà H1 đề nghị được trả nợ theo từng tháng, mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng và đề nghị khoan lãi không để tiếp tục phát sinh, ngân hàng Đ - Chi nhánh T1 - T1 không đồng ý, đề nghị này không có trong thoả thuận của Hợp đồng tín dụng nên không được chấp nhận. Vì vậy việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H1, ông P trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho đến khi trả xong toàn bộ nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Ngân hàng TNHH một thành viên Đ giao nộp các chứng cứ chứng minh kèm theo Hợp đồng tín dụng là sổ tài khoản chỉ định của ông P, bà H1 chỉ định giải ngân, bảng kê chi tiết nợ gốc, nợ lãi theo lịch trình trả nợ của bị đơn tính từ thời điểm giải ngân, bản trình bày chi tiết về thời gian tính lãi, mức lãi suất áp dụng, số ngày tính lãi, cách tính lãi. Các chứng cứ Ngân hàng TNHH một thành viên Đ cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 99, Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 2; Điều 13; Điều 20 thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ toàn bộ nợ theo Hợp đồng tín dụng số K.0123/123 đã được ký kết ngày 08/05/2023, tính đến ngày 05/8/2025 gồm: Nợ gốc 495.000.000 VND; Lãi trong hạn: 0 VND; Lãi quá hạn: 97.874.373 VND; Tổng số nợ cả gốc và lãi là 592.874.373 đồng. Buộc ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 phải trả cho Ngân hàng Đ số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 06/8/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng TNHH MTV S - Chi nhánh T1 - T1 trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

[2.3.1] Ngân hàng TNHH một thành viên Đ và ông Phạm Quang P và bà Đinh

Thị H1 tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp tài sản số K.0123/TC23 ngày 08/5/2023 theo đó để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số K.0123/123 ký ngày 08/05/2023, ông P và bà H1 thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ số 06 có địa chỉ tại thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên) theo Giấy chứng nhận số BV 815894, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01233 do UBND huyện T cấp ngày 18/05/2016 mang tên Ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 và tài sản trên thửa đất cho Ngân hàng; Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký thế chấp đúng quy định.

[2.3.2]. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án lập ngày 30/5/2025 thể hiện: Thửa đất số 188, tờ bản đồ số 06 có địa chỉ tại Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên) theo Giấy chứng nhận số BV 815894, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01233 do UBND huyện T cấp ngày 18/05/2016 mang tên Ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1; khảo sát ranh giới thửa đất và các bên trong hợp đồng thế chấp xác định hiện trạng đúng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và hiện trạng khi thế chấp;

[2.3.3] Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện thỏa thuận đã công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật Hợp đồng thế chấp là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Tại các hợp đồng thế chấp đều thỏa thuận về việc Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu ông P và bà H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Do ông P và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ số 06 có địa chỉ tại Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên) và toàn bộ tài sản trên thửa đất để thu hồi nợ là phù hợp với sự thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng thế chấp, phù hợp với các điều 298, 299, 500, 501 và 502 Bộ luật Dân sự và các điều 99, 100 của Luật các Tổ chức tín dụng;

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông P và bà H1 là người cao tuổi có đề nghị miễn án phí. Đề nghị này phù hợp với Điều 12 Nghị quyết 326 của Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí nên miễn án phí cho ông P và bà H1. Trả lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp. Ông P, bà H1 phải chịu lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 99, 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do NHNN ban hành; khoản 11 Điều 2; Điều 13; Điều 20 Thông tư 39/2016/TT-NHNN

ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Điều 147; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1: Buộc ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 phải trả cho hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 toàn bộ nợ theo Hợp đồng tín dụng số K.0123/123 đã được ký kết ngày 08/05/2023, tính đến ngày 05/8/2025 gồm: Nợ gốc 495.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 0 đồng; Lãi quá hạn: 97.874.373 đồng; Tổng số nợ cả gốc và lãi là 592.874.373 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm buộc ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - PGD Thái Thụy số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và các quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ông P và bà H1 không trả được nợ thì Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp gồm thửa đất đất số 188, tờ bản đồ số 06 có địa chỉ tại V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên) theo Giấy chứng nhận số BV 815894, số vào sổ cấp GCN: CH 01233 do UBND huyện T cấp ngày 18/05/2016 mang tên Ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 và tài sản trên thửa đất để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1. Trả lại cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.453.000 đồng tạm theo biên lai số 0004455 ngày 15/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Thái Thụy.

4. Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 phải chịu 7.500.000 đồng lệ phí xem xét thẩm định. Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - T1 đã nộp tạm ứng lệ phí xem xét thẩm định là 10.000.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định là 7.500.000 đồng, đã nhận lại số tiền 2.500.000 đồng nên ông Phạm Quang P và bà Đinh Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên Đ - Chi nhánh T1 - PGD Thái Thụy 7.500.000 đồng..

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có người đại diện hợp pháp có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn là bà Đinh Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm

Quang P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Lan